

Số: 08/2026/QĐST-DS

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 155, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 293, Điều 299, Điều 303, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2026, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 131/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V; địa chỉ: số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Hồng B, là Trưởng phòng cao cấp – Trung tâm X;

Người nhận ủy quyền của ông Nguyễn Hồng B: ông Lê Đình T, Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Lò Ngọc T1, Chuyên viên xử lý nợ; ông Nguyễn Anh D1, Chuyên viên xử lý nợ; đều có địa chỉ: tầng 4 Ngân hàng V1, căn SH4-8 Dự án

T, đường B, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

* Bị đơn: anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn K, xã T, tỉnh Quảng Ninh và chị Dương Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ A, khu A, phường T, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn K, xã T, tỉnh Quảng Ninh;

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Khánh N1, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ E, khu F, phường H, tỉnh Quảng Ninh và anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn K, xã T, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Khánh N1 là anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn K, xã T, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền phải trả:

Anh Nguyễn Thành N và chị Dương Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền (tạm tính đến ngày 12/01/2026) là: 8.444.540.618 (tám tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm mười tám) đồng; bao gồm: nợ gốc là 7.716.666.000 (bảy tỷ, bảy trăm mười sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng, nợ lãi trong hạn là 66.654.680 (sáu mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi tư nghìn, sáu trăm tám mươi) đồng, nợ lãi quá hạn là 655.010.224 (sáu trăm năm mươi lăm triệu, không trăm mười nghìn, hai trăm hai mươi bốn) đồng, phạt chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 6.209.715 (sáu triệu, hai trăm linh chín nghìn, bảy trăm mười lăm) đồng; trong đó:

Theo hợp đồng cho vay hạn mức số 10254816 ngày 29/8/2024 và Khế ước nhận nợ ngày 29/8/2024, anh Nguyễn Thành N và chị Dương Thị H nợ ngân hàng Thương mại cổ phần V (tạm tính đến ngày 12/01/2026) là 4.120.216.354 (bốn tỷ, một trăm hai mươi triệu, hai trăm mười sáu nghìn, ba trăm năm mươi tư) đồng; bao gồm: nợ gốc là: 3.800.000.000 (ba tỷ, tám trăm triệu) đồng, nợ lãi trong hạn là 31.629.279 (ba mươi một triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm bảy mươi chín) đồng, nợ lãi quá hạn là 287.009.944 (hai trăm tám mươi bảy triệu, không trăm linh chín nghìn, chín trăm bốn mươi tư) đồng, phạt chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 1.577.131 (một triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi một) đồng.

Theo hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2312211322789 ngày 24/01/2024: anh Nguyễn Thành N và chị Dương Thị H nợ ngân hàng Thương mại cổ phần V (tạm tính đến ngày 12/01/2026) là 4.324.324.265 (bốn tỷ, ba trăm hai mươi tư triệu, ba trăm hai mươi tư nghìn, hai trăm sáu mươi lăm) đồng; bao gồm: nợ gốc là: 3.916.666.000 (ba tỷ, chín trăm mười sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng, nợ lãi trong hạn là 35.025.401 (ba mươi lăm triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm linh một) đồng, nợ lãi quá hạn là 368.000.280 (ba trăm sáu

mười tám triệu, hai trăm tám mươi) đồng, phạt chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 4.632.584 (bốn triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi tư) đồng.

- Anh Nguyễn Thành N và chị Dương Thị H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần V, kể từ ngày 13/01/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay hạn mức số 10254816 và Khế ước nhận nợ ngày 29/8/2024; hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2312211322789 ngày 24/01/2024

2.2 Về thời hạn trả nợ:

Ngày 12/02/2026, anh Nguyễn Thành N và chị Dương Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Ngày 12/3/2026, anh Nguyễn Thành N và chị Dương Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 8.414.540.618 (tám tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm mười tám) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/01/2026.

Trường hợp đến ngày 12/02/2026, anh Nguyễn Thành N và chị Dương Thị H không trả 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V thì được coi là vi phạm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ nêu trên. Khi đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp.

2.3 Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 12/01/2026) cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Thành N và chị Dương Thị H còn phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án **theo mức lãi suất quá hạn** các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 10254816 và Khế ước nhận nợ ngày 29/8/2024; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2312211322789 ngày 24/01/2024, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và anh Nguyễn Thành N, chị Dương Thị H nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4 Trường hợp đến hạn mà anh Nguyễn Thành N và chị Dương Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản bảo đảm gồm:

Quyền sử dụng 212,8m² đất, thuộc thửa đất số 262, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: tổ F, khu B, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ F, khu Y, phường H, tỉnh Quảng Ninh); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 443982, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH83972, do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 15/01/2024; người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản: anh Nguyễn Duy Đ, chị Nguyễn Khánh N1.

Quyền sử dụng 66,6m² đất, thuộc thửa đất số 286, tờ bản đồ số 25; địa chỉ: tổ F, khu B, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ F, khu Y, phường H, tỉnh Quảng Ninh); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 443981, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH83971, do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 15/01/2024; người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản: anh Nguyễn Duy Đ, chị Nguyễn Khánh N1.

(Theo Hợp đồng thế chấp số LN2312211323195 ngày 24/01/2024, giữa ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh Q và anh Nguyễn Duy Đ, chị Nguyễn Khánh N1)

2.5 Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần V thì anh Nguyễn Thành N và chị Dương Thị H có trách nhiệm liên đới tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 10254816 và Khế ước nhận nợ ngày 29/8/2024; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2312211322789 ngày 24/01/2024.

2.6 Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà anh Nguyễn Thành N và chị Dương Thị H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

2.7 Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ): Ngân hàng Thương mại cổ phần V tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã nộp đủ) và không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.8 Về án phí dân sự sơ thẩm và xử lý tạm ứng án phí:

Bị đơn anh Nguyễn Thành N và chị Dương Thị H tự nguyện chịu 58.222.270 (năm mươi tám triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 57.961.000 (năm mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn) đồng, tạm ứng án phí Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002152 ngày 26/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QN;
- VKSND khu vực 1 - QN;
- Thi hành án dân sự tỉnh QN;
- Đường sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Lưu.

THẨM PHÁN*(đã ký)***Phạm Ngọc An**